TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST Ngày: 25-7-2024 V/v: Xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên toà: Bà Lường Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số: 17/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1980. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: T 21, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1971. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: T 21, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 21/02/2024 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc S kết hôn với nhau ngày 07 tháng 01 năm 1998. Khi kết hôn ông bà đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn ông bà chung sống cùng bố mẹ chồng được một thời gian ngắn thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm

2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa hai ông bà đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không thành. Ông bà sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân ông bà không ai quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Quốc S.

Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02/11/1998 (đã trưởng thành và có khả năng lao động), Nguyễn Quốc V, sinh ngày 14/7/2012. Nguyện vọng của bà là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc V đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà chưa có yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi cháu V cùng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Quốc S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho ông Soạn, nhưng ông Soạn không tham gia nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của ông về việc bà Thủy xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con và các vấn đề khác, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn Nguyễn Quốc S đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không hợp tác để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc S.

2. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02/11/1998 đã trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 14/7/2012 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quốc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T, do bà T chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quốc S có địa chỉ bản tiểu khu 21, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Quốc S đã được Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Quốc S có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La ngày 07/01/1998 (số 05, quyển số 01), có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà T, ông S là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chính quyền địa phương xác định nguyên nhân của sự phát sinh mâu thuẫn như bà Trần Thị T trình bầy là đúng.

Xét thấy: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông S là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà T, ông S đã sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân một thời gian, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho bà T ly hôn ông Soạn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Bà T, ông S có 02 con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02/11/1998, Nguyễn Quốc V, sinh ngày 14/7/2012.

Đối với cháu Nguyễn Quốc T đã trên 18 tuổi và không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, bà T không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng nên HĐXX không giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng của bà T, ông S đối với cháu Nguyễn Quốc T; đối với cháu Nguyễn Quốc V đến nay chưa đủ 18 tuổi, hiện đang sống cùng bà T, bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc V đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chưa có yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

HĐXX xét thấy Bà T, ông S có nơi cư trú ổn định, có thu nhập. Bà T, ông S có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Tòa án đã ghi ý kiến nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc V, cháu V có nguyện vọng ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Nguyễn Quốc V, như chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu phát triển lành mạnh về thể chất, chí tuê, cũng như không nên xáo trộn môi trường và hoàn cảnh sống của cháu Nguyễn Quốc V, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T. Giao cháu Nguyễn Quốc V cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T xác định bà và ông S không có tài sản chung và vay nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc S.

2. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02/11/1998 đã trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên không giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 14/7/2012 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quốc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T, do bà T chưa yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0001316 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/7/2024.

Ông Nguyễn Quốc S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn H, huyện M (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên